

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Biến động các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô 4 tháng đầu năm 2019

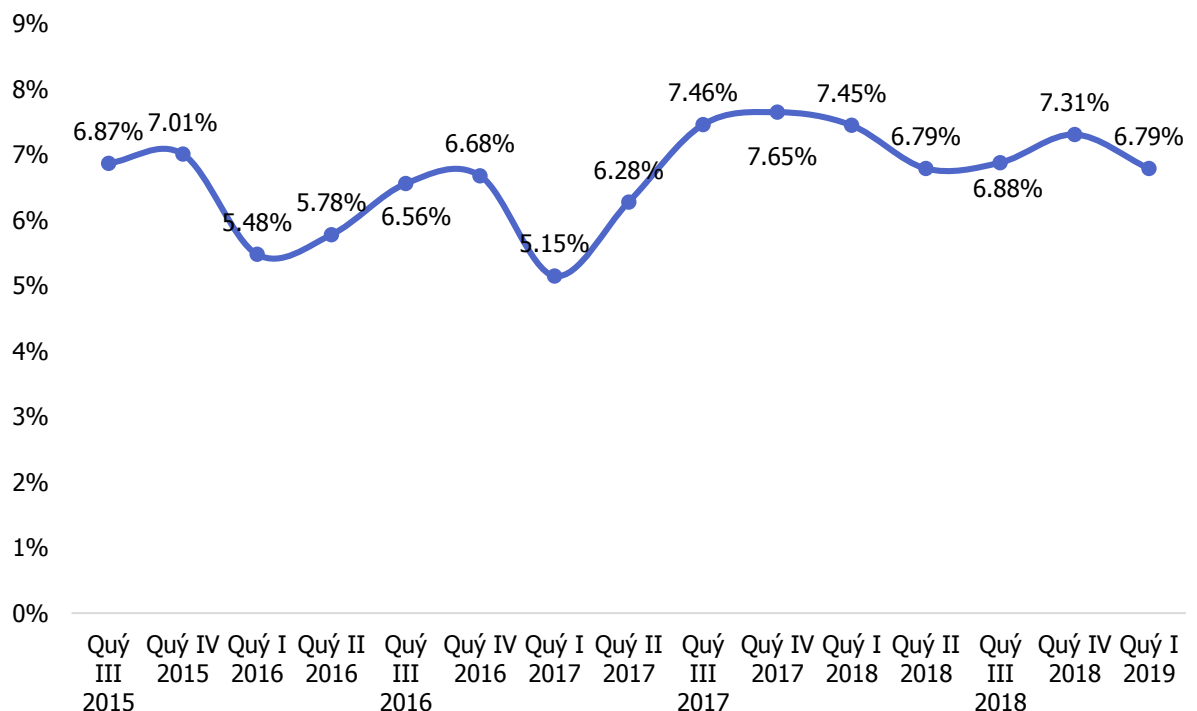
1. Tăng trưởng GDP.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2019 ước tính tăng 6,79% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng trưởng của quý I/2018 nhưng cao hơn tăng trưởng quý I các năm 2011-2017. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,68%, đóng góp 4,9% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,63%, đóng góp 51,2%; khu vực dịch vụ tăng 6,5%, đóng góp 43,9%.

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp tăng 1,84% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều mức tăng 3,97% của quý I/2018, đóng góp 0,17 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 4,2%, do chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,03 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 5,1%, đạt mức tăng trưởng cao nhất của quý I trong 9 năm trở lại đây, đóng góp 0,14 điểm phần trăm.

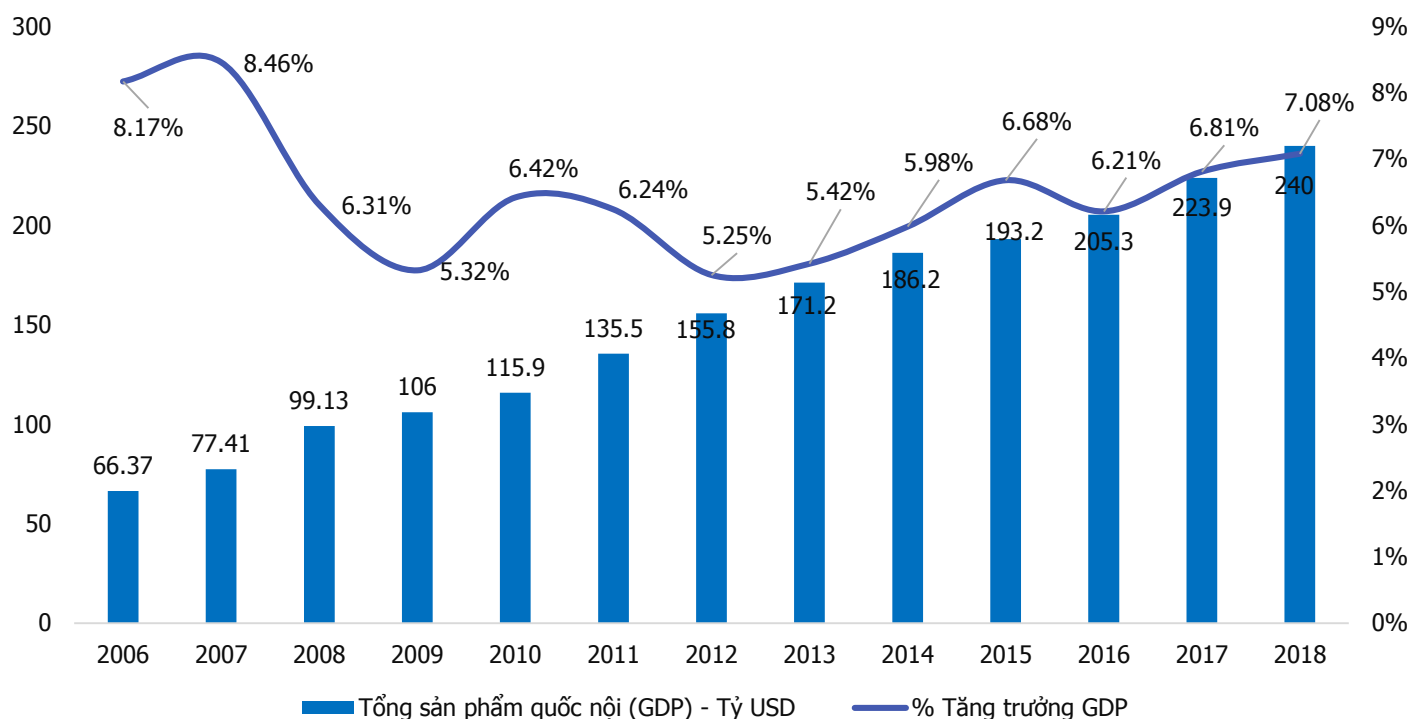
Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp tăng 8,95% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 3,14 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế trong quý I/2019 là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 12,35%, tuy thấp hơn mức tăng 14,3% của quý I/2018 nhưng cao hơn mức tăng quý I các năm 2012-2017, đóng góp lớn vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm với 2,72 điểm phần trăm.

% GDP hàng quý



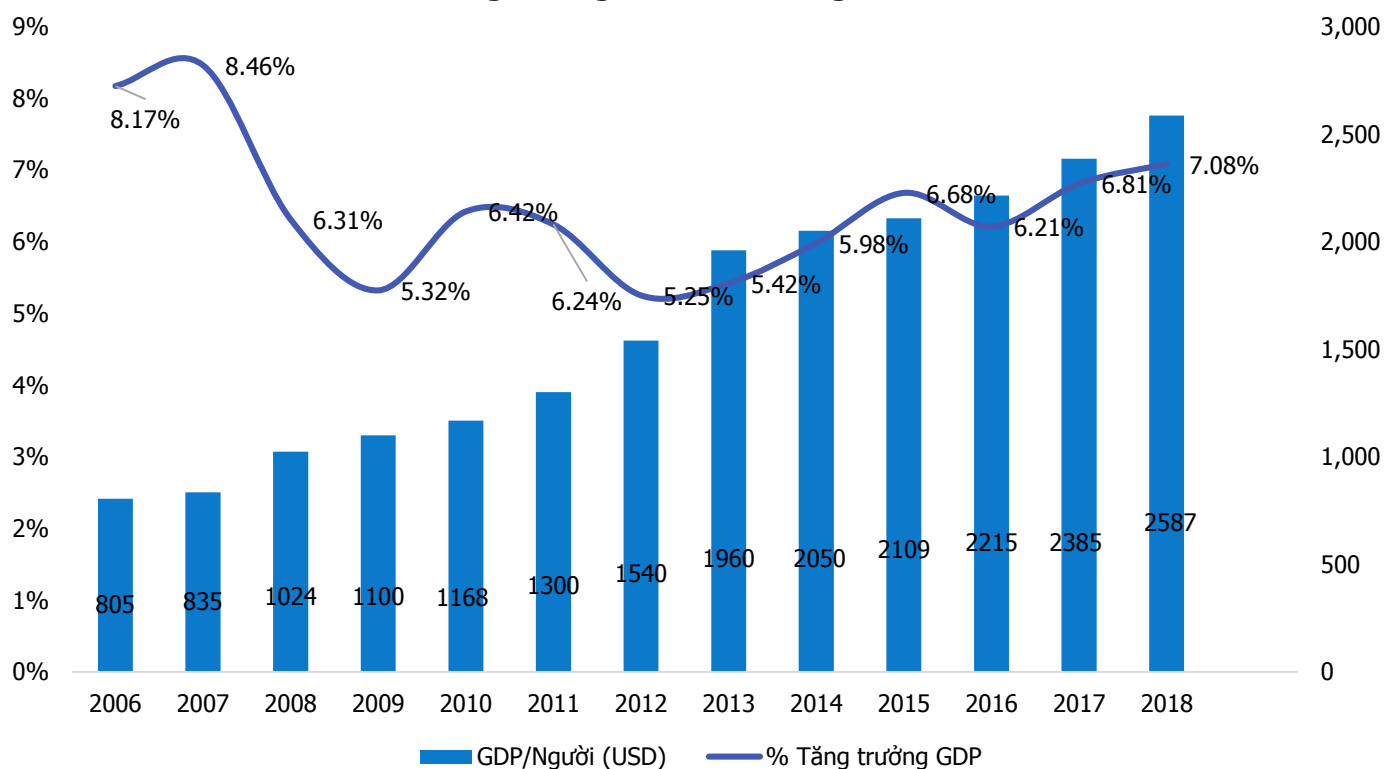
Trong khu vực dịch vụ, đóng góp của một số ngành có tỷ trọng lớn vào mức tăng trưởng chung như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 7,82% so với cùng kỳ năm trước, là ngành có đóng góp cao nhất vào mức tăng trưởng chung với 0,95 điểm phần trăm; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,22%, đóng góp 0,3 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 7,71%, đóng góp 0,36 điểm phần trăm; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 4,75%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm.

Tăng trưởng GDP & Tổng sản phẩm quốc nội GDP (Tỷ USD)



Về cơ cấu nền kinh tế quý I năm nay, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 10,16%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 35,25%; khu vực dịch vụ chiếm 44,04%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 10,55% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2018 là: 10,35%; 35,31%; 43,72%; 10,62%). Trên góc độ sử dụng GDP quý I, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,09% so với cùng kỳ năm 2018; tích lũy tài sản tăng 6,2%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 6,81%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 8,7%.

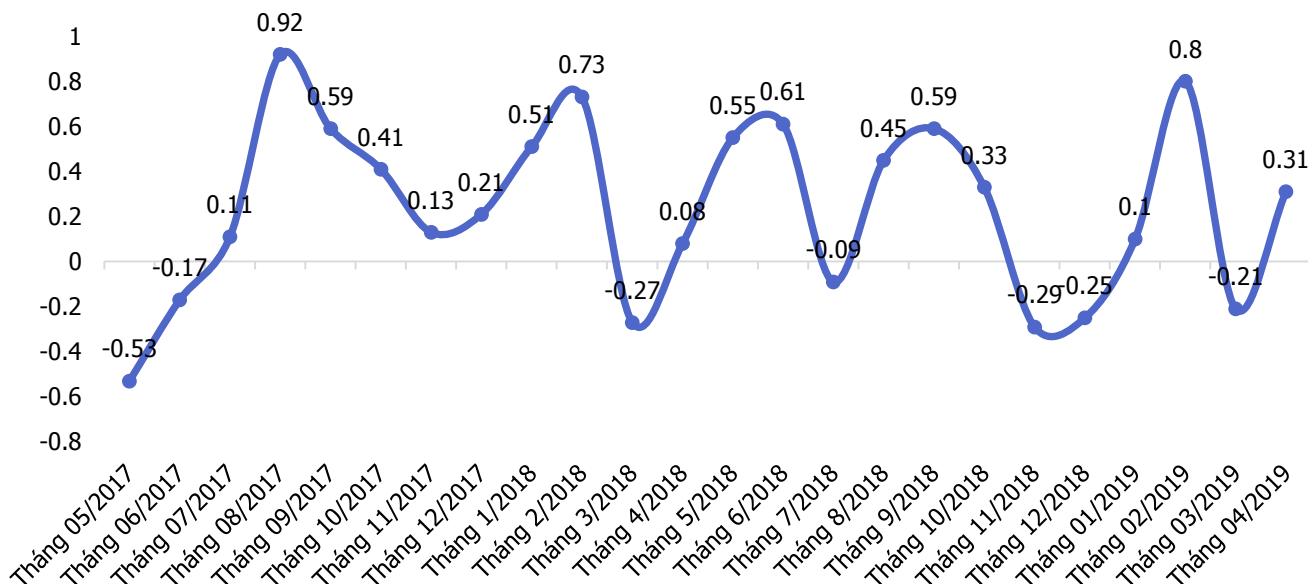
Tăng trưởng GDP và GDP/người



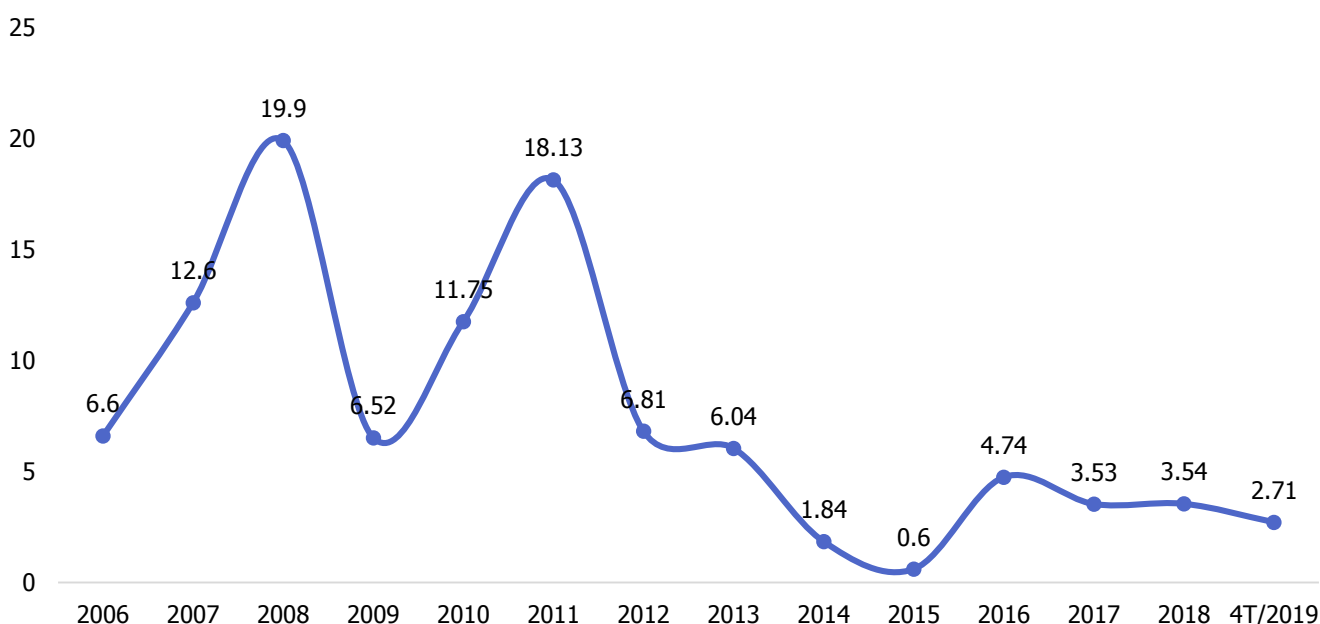
2. Lạm phát, CPI.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2019 tăng 0,31% so với tháng trước, CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2019 tăng 2,71% so với cùng kỳ năm 2018, đây là mức tăng bình quân 4 tháng đầu năm thấp nhất trong 3 năm gần đây.

Chỉ Số Giá Tiêu Dùng theo Tháng(%)



% CPI theo Năm



Trong mức tăng 0,31% của CPI tháng 4/2019 so với tháng trước có 9/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng. Nhóm giao thông có mức tăng cao nhất 4,29%, chủ yếu do ảnh hưởng từ 2 đợt điều chỉnh tăng giá xăng, dầu vào thời điểm 2/4/2019 và thời điểm 17/4/2019 (tác động làm CPI chung tăng 0,41%); giá vé tàu hỏa tăng 2,76% do nhu cầu đi lại vào dịp nghỉ lễ Giỗ tổ và nghỉ lễ 30/4-1/5.

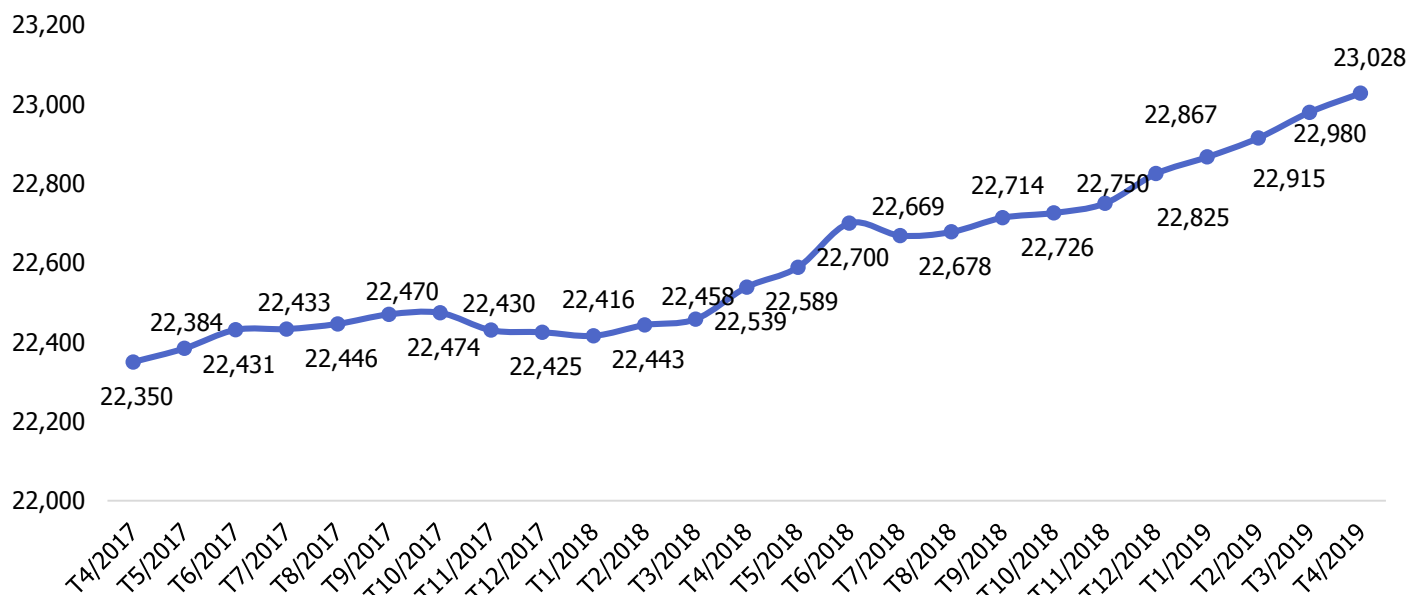
Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 4 tháng đầu năm 2019 tăng 2,71% so với bình quân cùng kỳ năm 2018. CPI tháng 4/2019 tăng 1% so với tháng 12/2018 và tăng 2,93% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản tháng 4/2019 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,88% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 4 tháng đầu năm nay tăng 1,84% so với bình quân cùng kỳ năm 2018..

3. Tiền tệ, lãi suất và tỷ giá.

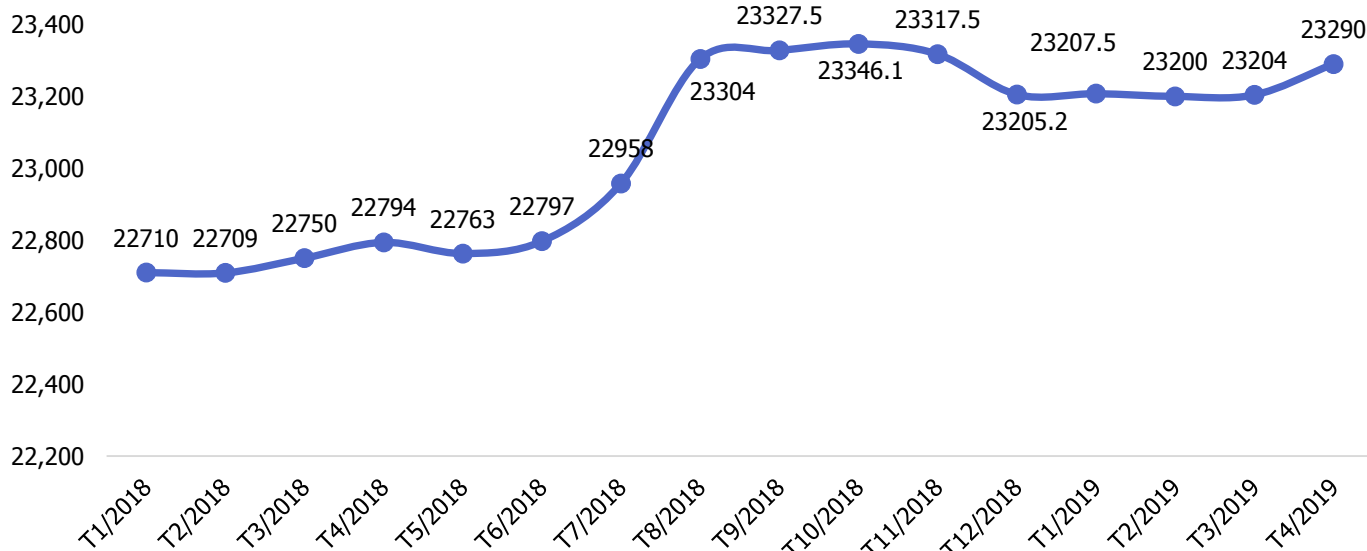
Tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.028 đồng/USD trong ngày làm việc cuối cùng tháng 4 (29/04/2019), tăng nhẹ 48 đồng (0,21%) so với tháng trước, tương ứng với mức tăng 0,89% đầu năm 2019 đến nay.

Giá USD giao dịch tự do niêm yết ở mức 23.290 VND/USD trong ngày 30/04/2019, tăng 86 đồng, tương ứng với mức tăng 0,37% so với tháng trước.

Tỷ Giá Trung Tâm NHNN USD/VND



Tỷ giá giao dịch thực tế trong năm USD/VND

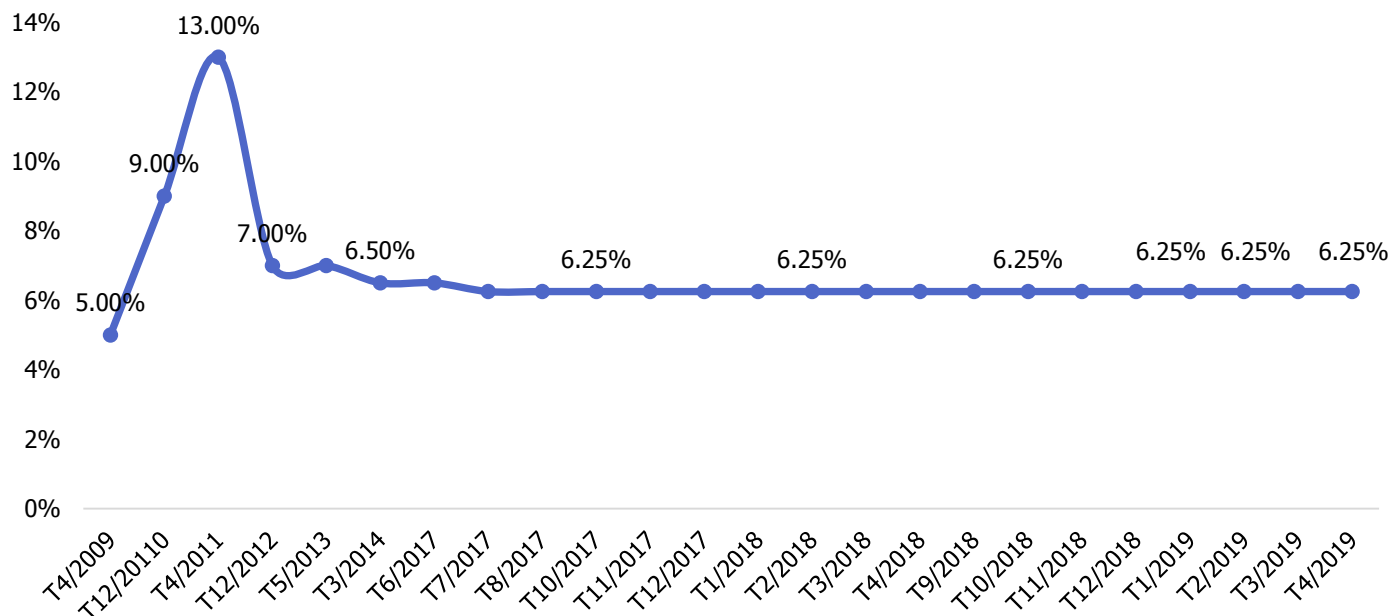


NHNN ghi nhận lãi suất huy động bằng VND phổ biến ở 0,5 - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,5 - 5,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,5 - 6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,6 - 7,3%/năm.

Tuy nhiên, có một số ngân hàng thương mại cổ phần đã đẩy mặt bằng lãi suất huy động kỳ hạn trên 12 tháng lên mức khá cao, cao nhất lên đến 8,6%/năm. Mặt bằng lãi suất tăng trung bình 0,53% ở các ngân hàng khảo sát so với cùng kỳ 2018.

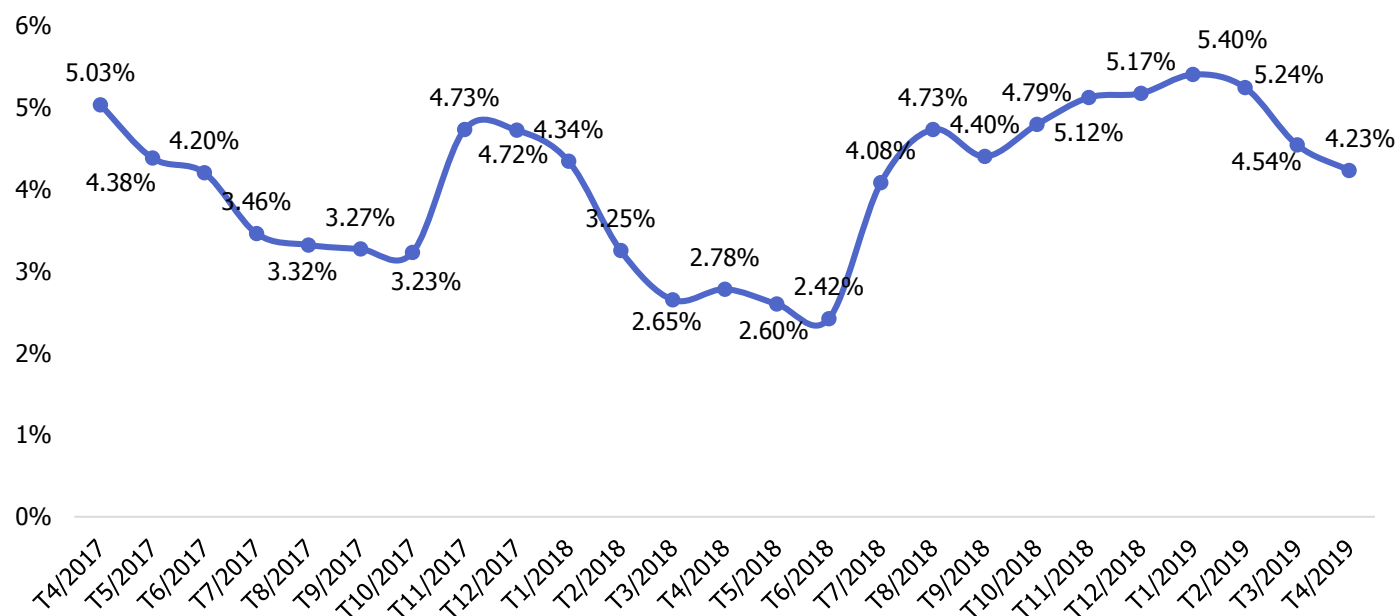
Lãi suất huy động USD của TCTD tiếp tục duy trì 0%/năm đối với tiền gửi của cá nhân và tổ chức. Đối với lãi suất cho vay VND, hiện mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến từ 6 - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9 - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay USD phổ biến ở mức 2,8 - 6%/năm; trong đó lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở 2,8 - 4,7%/năm, lãi suất cho vay trung, dài hạn ở 4,5 - 6,0%/năm.

Lãi Suất Tái Cấp Vốn



Lãi suất tái cấp vốn: Sau đợt giảm cập lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn hồi tháng 7 năm ngoái, NHNN Việt Nam vẫn chưa có bất kỳ thay đổi nào đối với lãi suất điều hành, tiếp tục giữ nguyên ở mức 6,25% trong 4 tháng đầu năm 2019.

Lãi Suất Liên Ngân Hàng 3 tháng



Lãi suất huy động có xu hướng tăng ở một vài ngân hàng thương mại, nhưng lãi suất liên ngân hàng tiếp tục có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước. Cụ thể, lãi suất liên ngân hàng 3 tháng trong ngày giao dịch cuối cùng của tháng 4 là 4,23%, giảm 0,31% so với tháng trước.

Tính đến ngày 17/4/2019, tổng phương tiện thanh toán tăng 3,29% so với cuối năm 2018; huy động vốn tăng 2,69%; tín dụng đối với nền kinh tế tăng 3,23%, trong đó tín dụng bằng VND tăng 2,93%, tín dụng bằng ngoại tệ tăng 7,62%...

4. Sản xuất nông, lâm và thủy sản.

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tháng 4/2019 nhìn chung ổn định. Trong tháng, các địa phương tập trung vào chăm sóc cây trồng vụ đông xuân ở phía Bắc, thu hoạch lúa, hoa màu vụ đông xuân và gieo trồng lúa hè thu ở phía Nam. Trong 4 tháng đầu năm, ngành thủy sản duy trì mức tăng khá về sản lượng nhưng nuôi cá tra trong tháng không thuận lợi do sản lượng cá tra xuất khẩu vào thị trường Mỹ và Trung Quốc giảm, các doanh nghiệp giảm giá thu mua cá nguyên liệu.

Nông nghiệp:

Tính đến ngày 15/4, cả nước gieo cấy được 3.116,6 nghìn ha lúa đông xuân, bằng 100,6% cùng kỳ năm trước. Các địa phương phía Bắc cơ bản hoàn thành gieo trồng lúa đông xuân với diện tích đạt 1.112,6 nghìn ha, bằng 98,9% cùng kỳ năm trước. Tại các địa phương phía Nam, gieo trồng lúa đông xuân đạt 2.004 nghìn ha, bằng 101,5% cùng kỳ năm 2018, trong đó diện tích tăng chủ yếu ở Cà Mau với 37,9 nghìn ha do chuyển đổi mùa vụ từ lúa mùa sang lúa đông xuân.

Tính đến giữa tháng Tư, các địa phương trên cả nước đã gieo trồng được 404,8 nghìn ha ngô, bằng 99,8% cùng kỳ năm trước; 67,5 nghìn ha khoai lang, bằng 95,7%; 134,2 nghìn ha lạc, bằng 97,2%; 16,6 nghìn ha đậu tương, bằng 107,8% và 590,4 nghìn ha rau đậu, bằng 105,7%. Nhìn chung, các cây màu được gieo trồng đúng thời vụ, sinh trưởng và phát triển tốt.

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng ổn định, chăn nuôi gia cầm đạt khá, riêng chăn nuôi lợn còn gặp khó khăn, mặc dù vừa qua một số địa phương công bố hết dịch tả lợn châu Phi nhưng do dịch bệnh lan rộng đã gây ảnh hưởng đến phát triển đàn và kết quả chăn nuôi. Ước tính tháng Tư, đàn lợn cả nước giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước; đàn trâu giảm 2,9%; đàn bò tăng 3,1%; đàn gia cầm tăng 6,8%.

Lâm Nghiệp:

Trong tháng Tư, diện tích rừng trồng tập trung của cả nước ước tính đạt 27,1 nghìn ha, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 6,8 triệu cây, giảm 12,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 1.228 nghìn m³, tăng 4,1%; sản lượng củi khai thác đạt 1,4 triệu ste, giảm 2,2%.

Công tác bảo vệ, phòng chống cháy rừng tiếp tục được triển khai có hiệu quả. Trong tháng Tư, cả nước có 90,8 ha rừng bị thiệt hại, giảm 44,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 30,8 ha, giảm 67,2%; diện tích rừng bị chặt phá là 60 ha, giảm 13,6%. Tính chung 4 tháng đầu năm nay, diện tích rừng bị thiệt hại là 200 ha, giảm 44,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 59,8 ha, giảm 62,7%; diện tích rừng bị chặt phá là 140,2 ha, giảm 30,4%.

Thủy sản:

Sản lượng thủy sản tháng Tư ước tính đạt 689,8 nghìn tấn, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 520 nghìn tấn, tăng 5,8%; tôm đạt 68,2 nghìn tấn, tăng 5,2%; thủy sản khác đạt 101,6 nghìn tấn, tăng 5,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng Tư ước tính đạt 348,4 nghìn tấn, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 255,1 nghìn tấn, tăng 5,5%; tôm đạt 56 nghìn tấn, tăng 7,5%; thủy sản khác đạt 37,3 nghìn tấn, tăng 7,2%. Sản lượng thủy sản khai thác tháng Tư ước tính đạt 341,4 nghìn tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 264,9 nghìn tấn, tăng 6%; tôm đạt 12,2 nghìn tấn, giảm 3,9%.

Tính chung 4 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản ước tính đạt 2.156,5 nghìn tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 994,6 nghìn tấn, tăng 5,3%; sản lượng thủy sản khai thác đạt 1.161,9 nghìn tấn, tăng 4,9% (sản lượng khai thác biển đạt 1.111,6 nghìn tấn, tăng 5,2%).

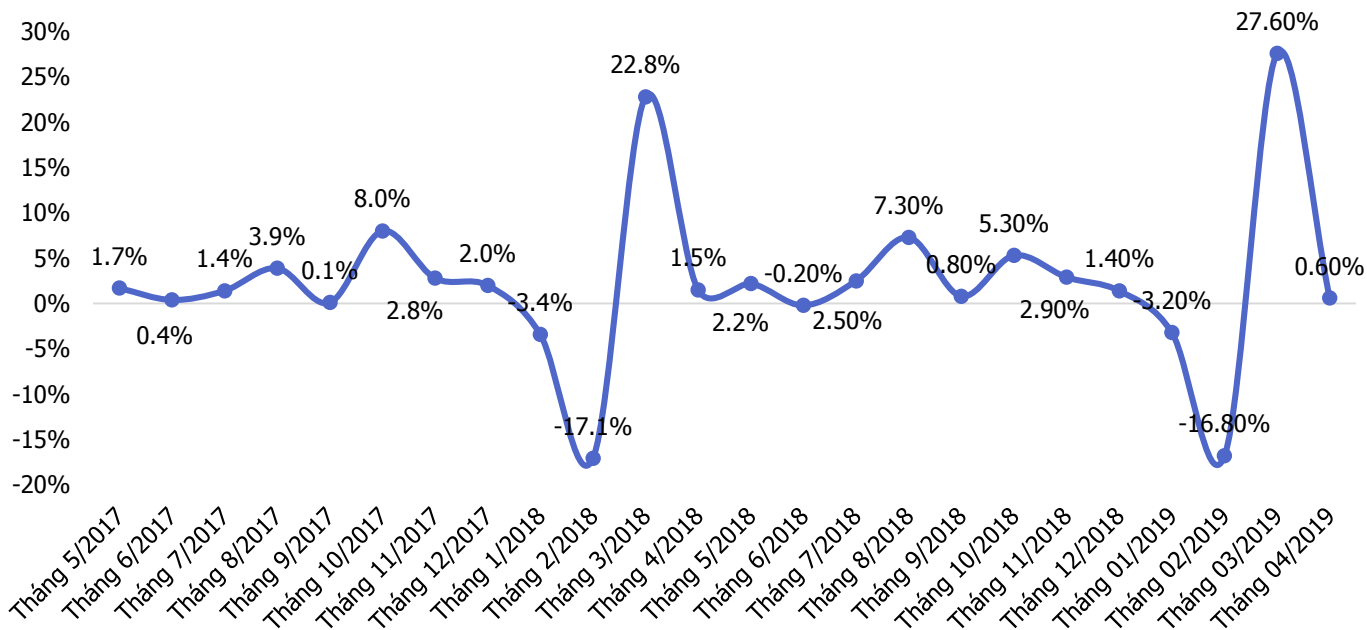
5. Sản xuất công nghiệp.

Sản xuất công nghiệp tháng Tư và 4 tháng đầu năm 2019 đạt kết quả tăng khá so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt, thúc đẩy tăng trưởng chung tiếp tục duy trì mức tăng trưởng hai con số; ngành sản xuất và phân phối điện bảo đảm đáp ứng tốt cho hoạt động sản xuất và sử dụng của người dân

với tốc độ tăng giá trị sản xuất cao hơn mức tăng chung của toàn ngành.

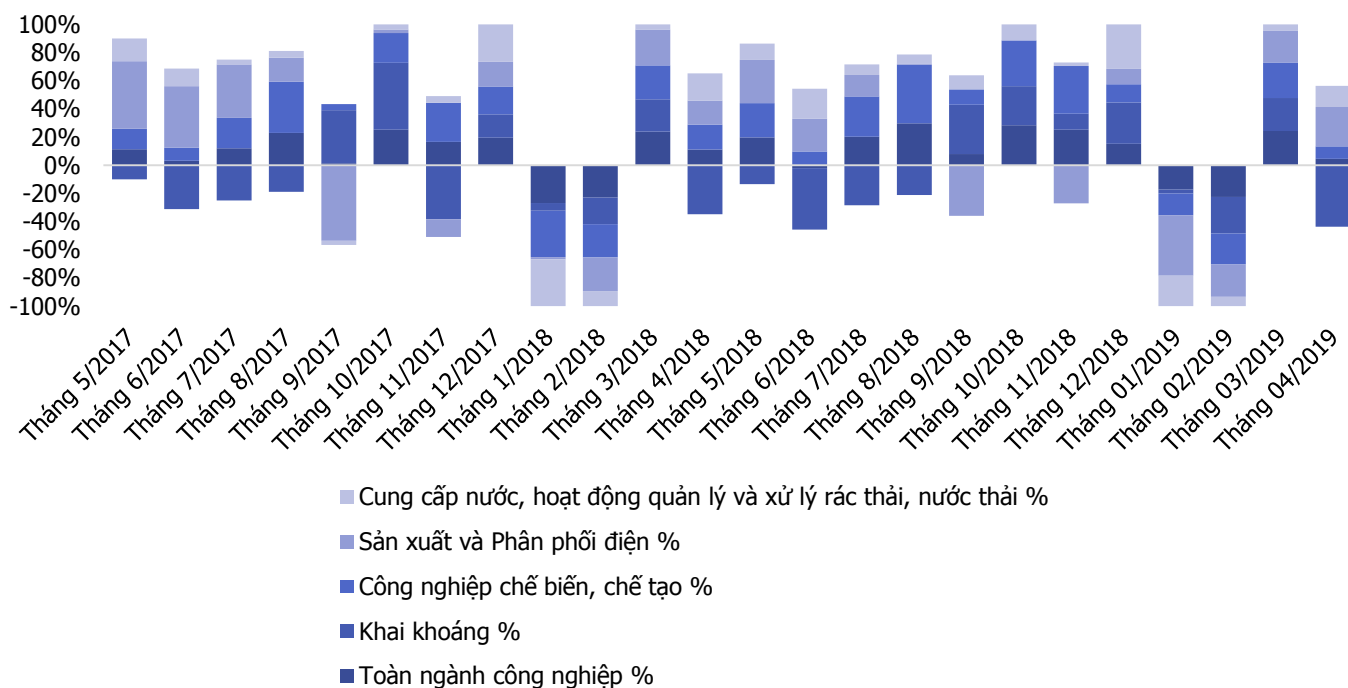
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2019 ước tính tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 2%; ngành chế biến, chế tạo tăng 10,5%; sản xuất và phân phối điện tăng 9,4%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,8%.

Tăng trưởng % toàn ngành công nghiệp theo tháng



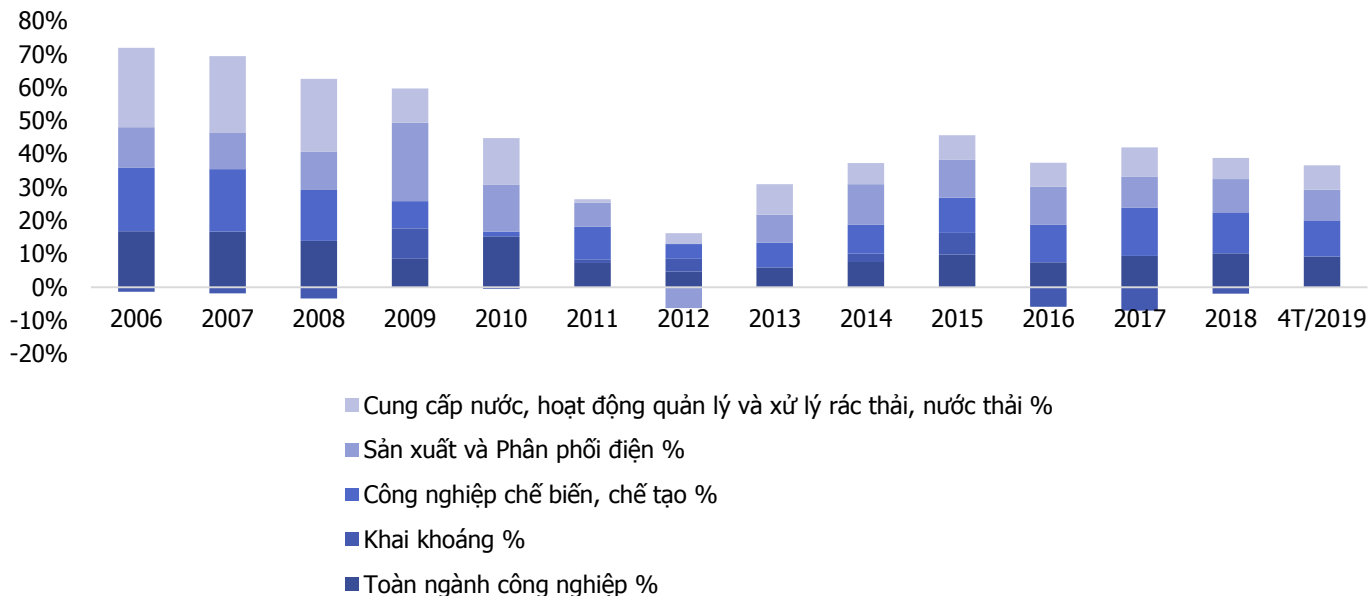
Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, IIP ước tính tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng 10,7% của cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng 7,4% và 6,6% của cùng kỳ năm 2016 và năm 2017. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,9% (cùng kỳ năm trước tăng 12,9%), đóng góp 8,3 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,2%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng bằng cùng kỳ năm trước (khai thác than tăng 13%, khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 4,1%).

Chỉ Số Sản Xuất Công Nghiệp



Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 1/4/2019 tăng 1,4% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 2,3% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước giảm 0,4%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 2,1%; doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 2,8%.

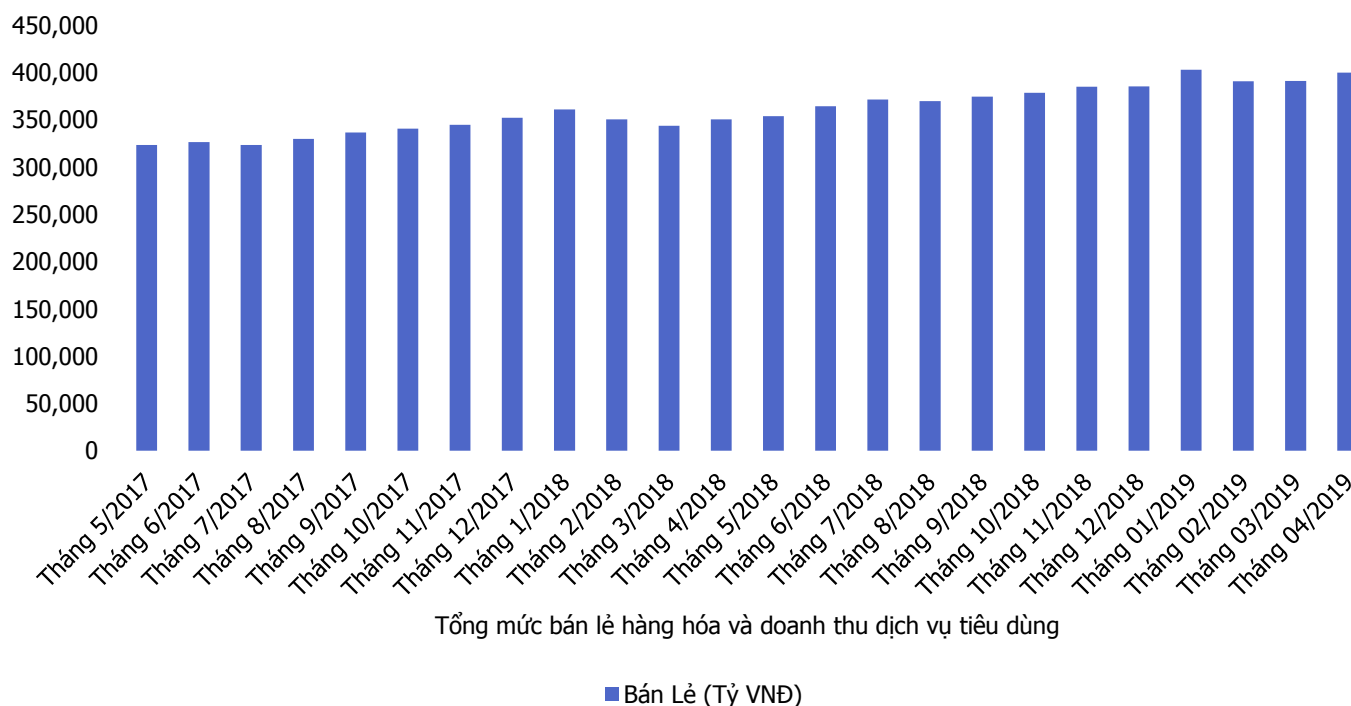
Chỉ số công nghiệp theo năm



6. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng.

Hoạt động thương mại dịch vụ trong 4 tháng đầu năm nay tiếp tục xu hướng tăng khá, thị trường giá cả ổn định, cân đối cung cầu các loại vật tư quan trọng và hàng tiêu dùng thiết yếu được bảo đảm, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 4 tháng đạt tốc độ tăng cao nhất kể từ năm 2015 trở về đây.

Doanh số bán lẻ hàng tháng

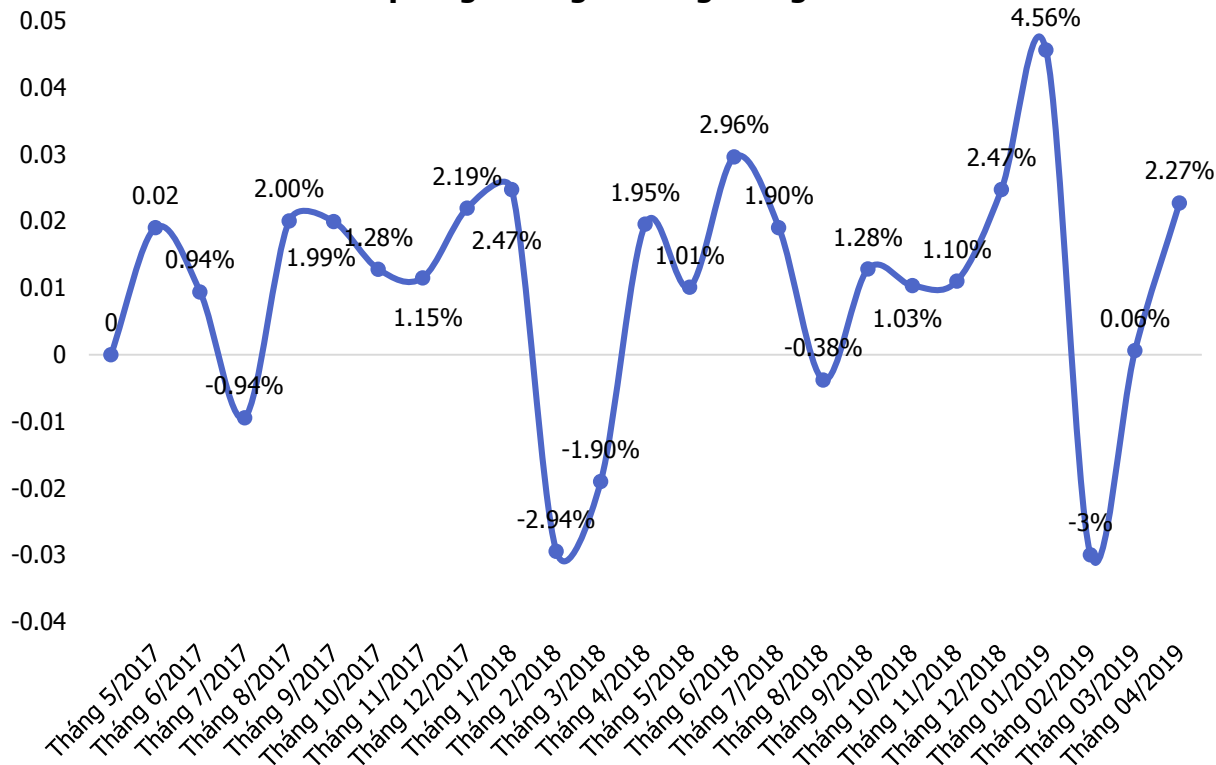


Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

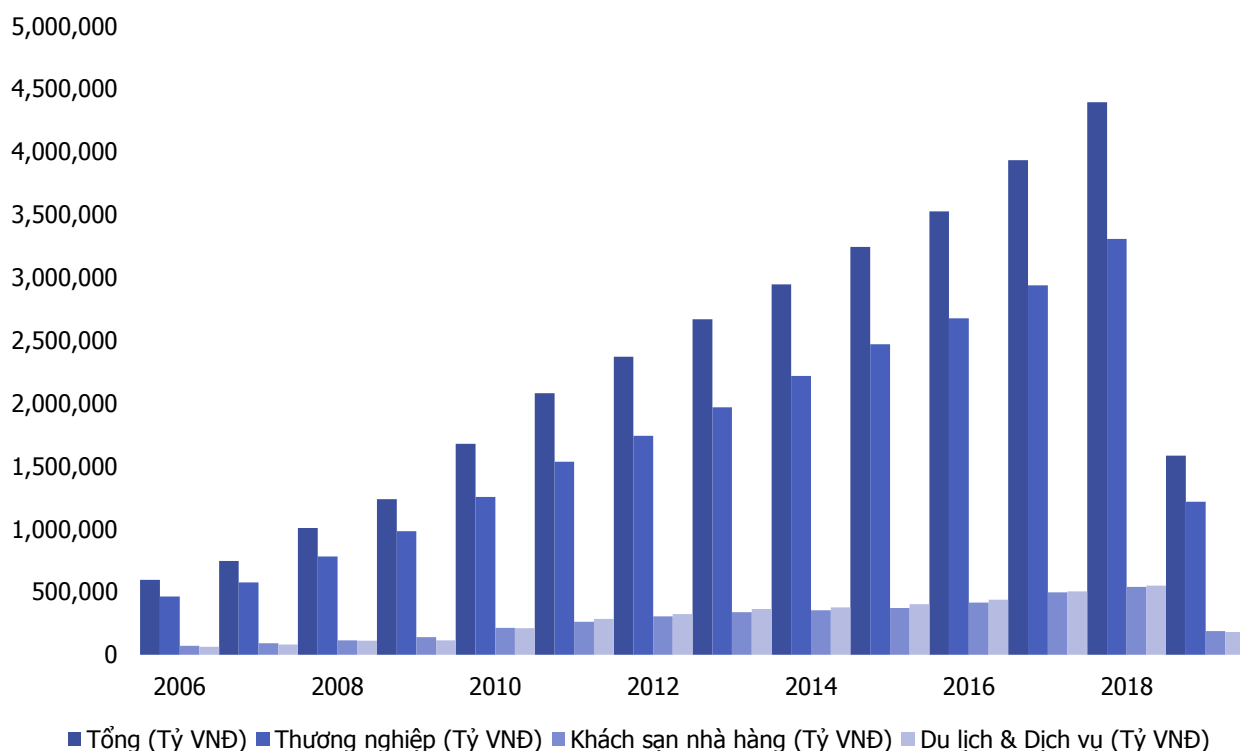
■ Bán Lẻ (Tỷ VNĐ)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2019 ước tính đạt 400 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 306,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% và tăng 13,1%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 47,7 nghìn tỷ đồng, tăng 3,1% và tăng 9,9%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2% và tăng 13,2%; doanh thu dịch vụ khác đạt 42,1 nghìn tỷ đồng, tăng 1,8% và tăng 6,8%.

Tốc độ tăng trưởng % hàng tháng



Bán lẻ Theo năm



Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.583,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 9% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8,9%).

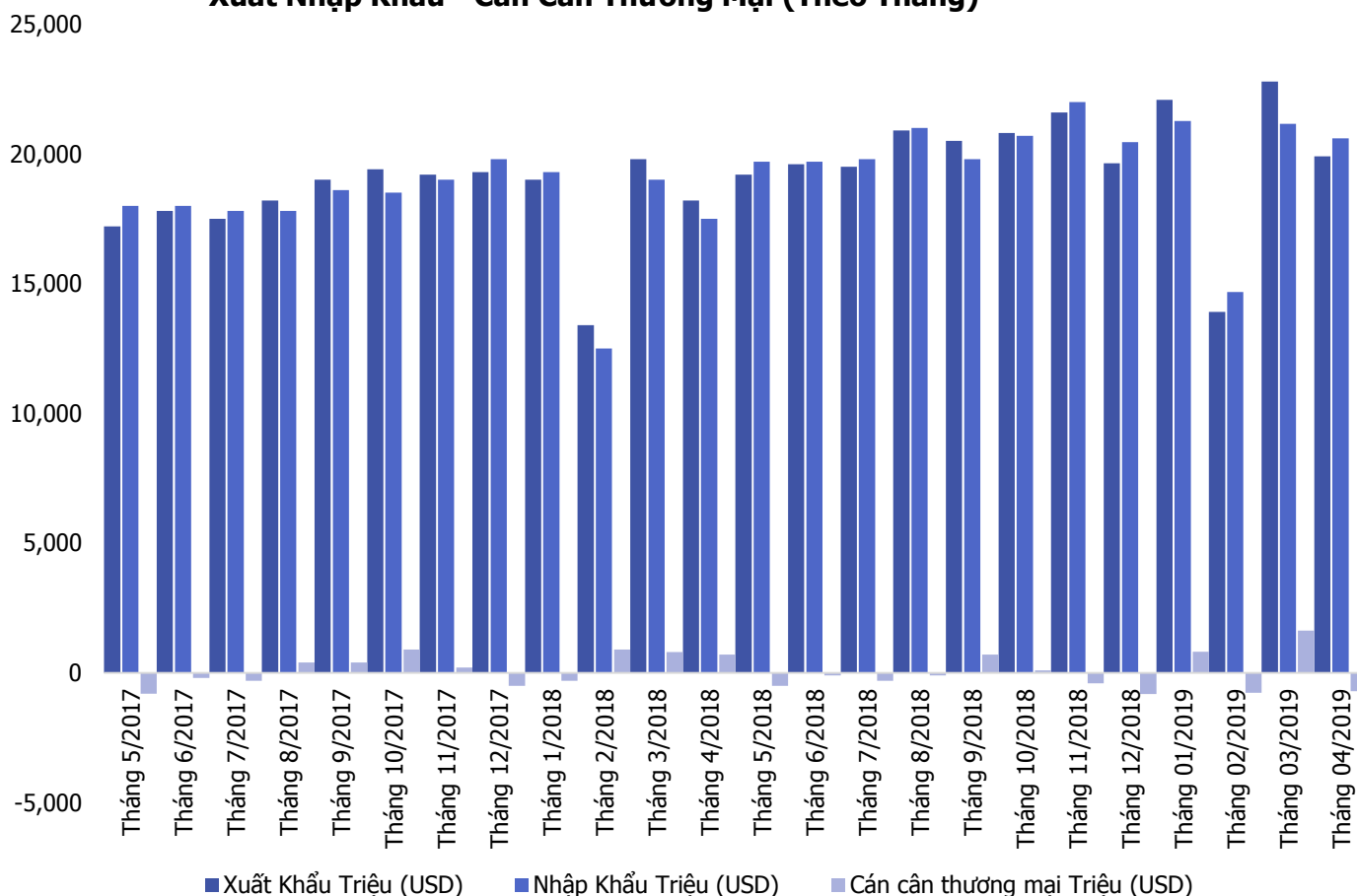
7. Xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 4 tháng đầu năm 2019 ước tính đạt 156,8 tỷ USD, trong đó xuất khẩu đạt 78,76 tỷ USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu đạt 78,05 tỷ USD, tăng 10,4%. Cán cân thương mại hàng hóa mặc dù duy trì thặng dư trong 4 tháng với mức xuất siêu ước tính đạt 711 triệu USD nhưng thấp hơn nhiều so với mức 3,7 tỷ USD của cùng kỳ năm 2018.

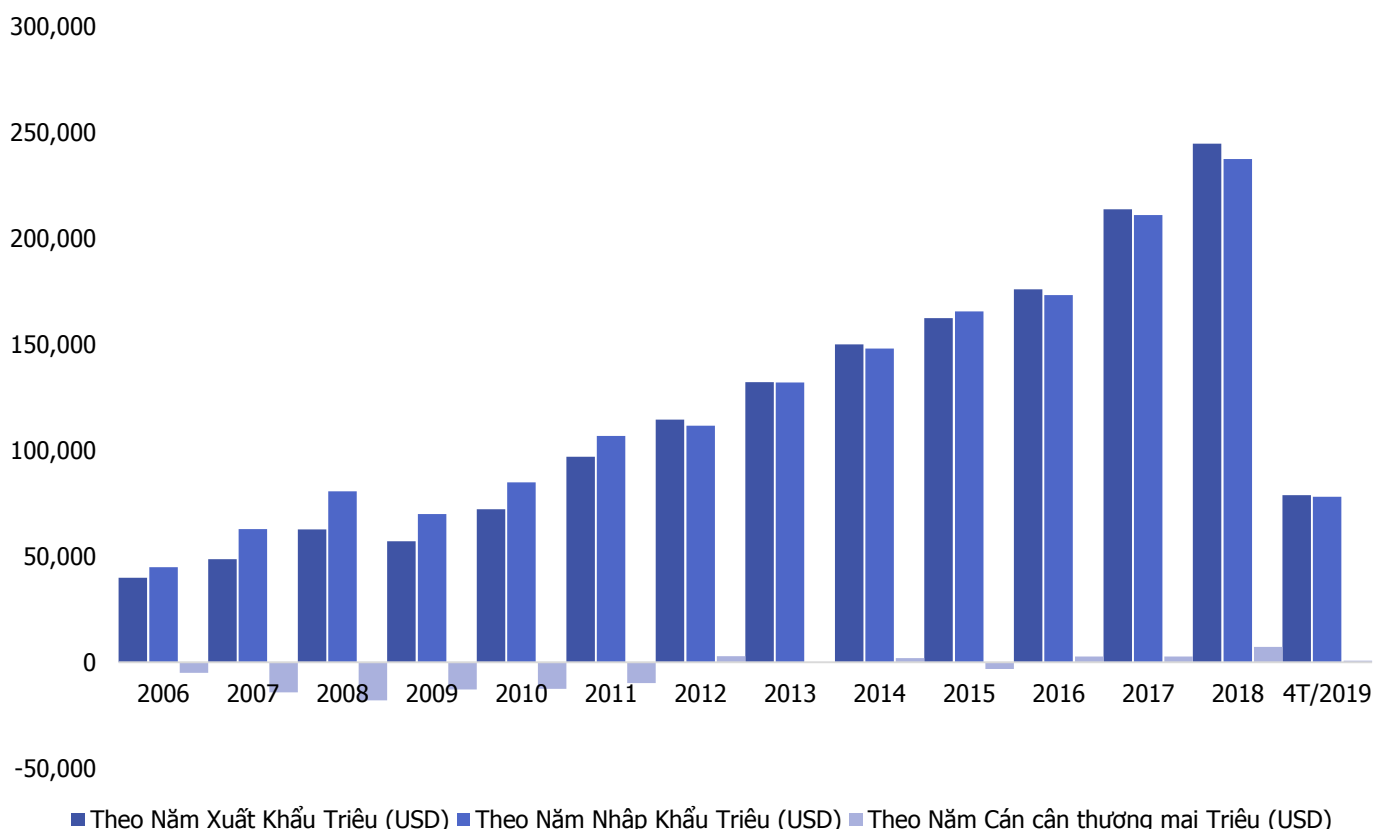
Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu thực hiện tháng 3/2019 đạt 22.780 triệu USD, cao hơn 380 triệu USD so với số ước tính. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 4/2019 ước tính đạt 19,9 tỷ USD, giảm 12,6% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,12 tỷ USD, giảm 4,8%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 13,78 tỷ USD, giảm 15,7%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 78,76 tỷ USD, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 23,33 tỷ USD, tăng 10,5%, chiếm 29,6% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 55,43 tỷ USD, tăng 4%, chiếm 70,4% (tỷ trọng giảm 1,2 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước).

Xuất Nhập Khẩu - Cán Cân Thương Mại (Theo Tháng)



Xuất nhập khẩu - Cán cân thương mại



Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu thực hiện tháng 3/2019 đạt 21.154 triệu USD, thấp hơn 646 triệu USD so với số ước tính. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng Tư ước tính đạt 20,6 tỷ USD, giảm 2,6% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 8,8 tỷ USD, giảm 2,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11,8 tỷ USD, giảm 3%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 78,05 tỷ USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 32,80 tỷ USD, tăng 14,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 45,25 tỷ USD, tăng 7,6%.

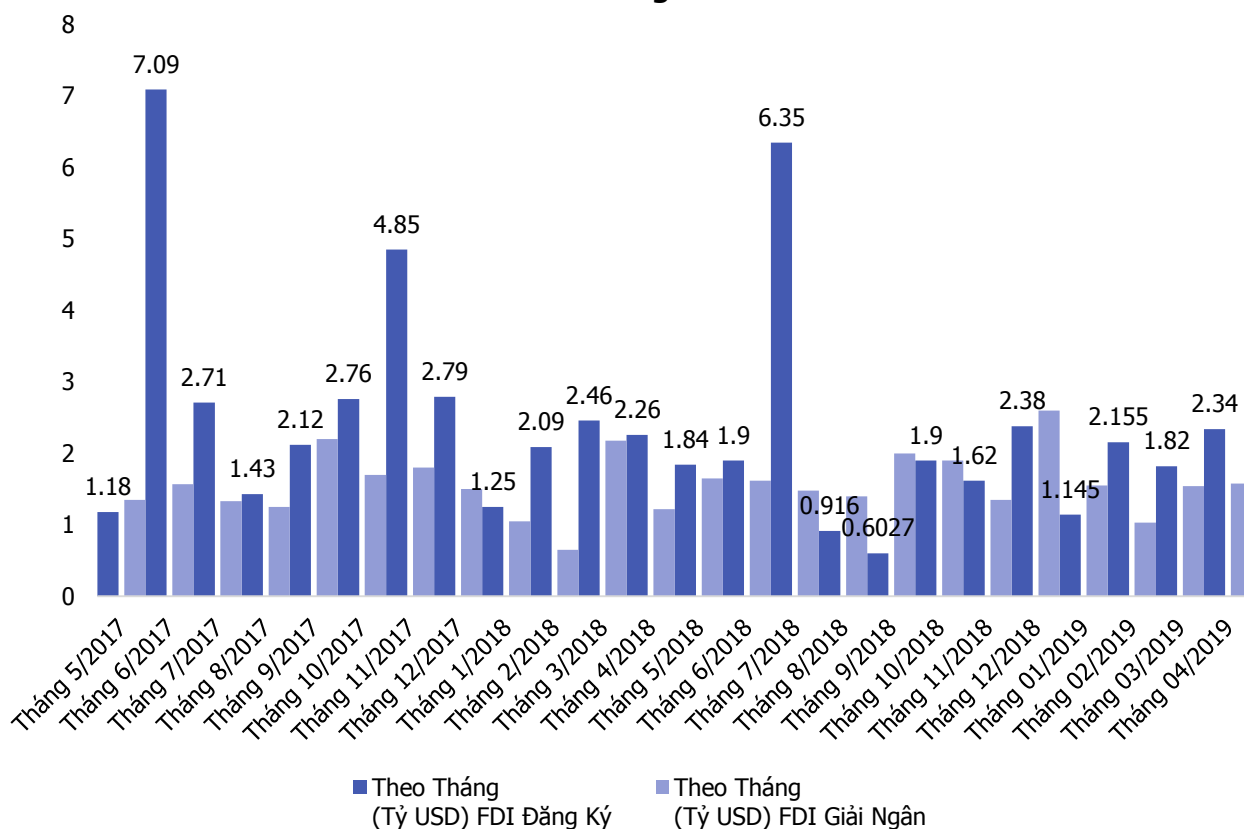
Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Ba xuất siêu 1,6 tỷ USD; quý I xuất siêu 1,4 tỷ USD; tháng Tư ước tính nhập siêu 700 triệu USD. Tính chung 4 tháng năm 2019 tiếp tục xuất siêu 711 triệu USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,7 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,46 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 10,17 tỷ USD.

8. Đầu tư.

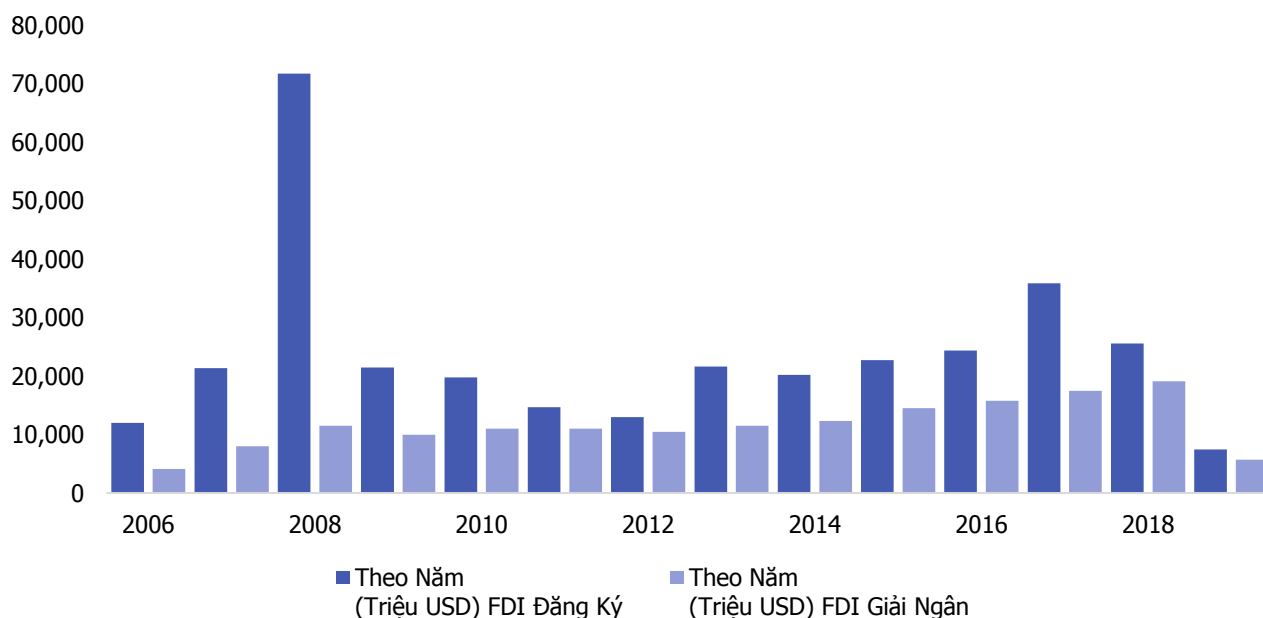
Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách Nhà nước tháng Tư cao hơn so với tháng trước (tăng 13,2%) và so với cùng kỳ năm trước (tăng 1,2%) nhưng tốc độ tăng so với cùng kỳ các năm giai đoạn 2016-2019 có sự sụt giảm rõ rệt, cho thấy tình hình thực hiện vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước tháng Tư nói riêng và 4 tháng đầu năm 2019 nói chung chưa có dấu hiệu tích cực. Trong khi đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục khởi sắc với mức kỷ lục về cả số dự án và vốn đăng ký cấp mới, tính đến thời điểm 20/4/2019, số dự án cấp mới là 1.082 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 5,3 tỷ USD, cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng Tư ước tính đạt 22,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Trung ương 2,7 nghìn tỷ đồng, giảm 30,4%; vốn địa phương 19,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,8%. Tính chung 4 tháng đầu năm nay, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt 73,4 nghìn tỷ đồng, bằng 21,3% kế hoạch năm và tăng 3% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2018 bằng 20,3% và tăng 9,8%).

FDI Tháng



FDI hàng năm



Đầu tư trực tiếp nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/4/2019 thu hút 1.082 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 5.345 triệu USD, tăng 22,5% về số dự án và tăng 50,4% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018. Bên cạnh đó, có 395 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước đăng ký điều chỉnh vốn đầu tư với số vốn tăng thêm đạt 2.110,6 triệu USD, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm trong 4 tháng đầu năm đạt 7.455,6 triệu USD, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm 2018.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 4 tháng ước tính đạt 5,7 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 4 tháng còn có 2.416 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 7,14 tỷ USD, gấp 3,2 lần so với cùng kỳ năm 2018, trong đó có 605 lượt góp vốn, mua cổ phần làm tăng vốn điều lệ của doanh nghiệp với giá trị vốn góp là 5,13 tỷ USD và 1.811 lượt nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần trong nước mà không làm tăng vốn điều lệ với giá trị 2,01 tỷ USD.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 4 tháng năm nay có 44 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn của phía Việt Nam là 96 triệu USD; 9 dự án điều chỉnh vốn với số vốn tăng thêm là 53,5 triệu USD. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) 4 tháng năm 2019 đạt 149,5 triệu USD.

9. Thu chi ngân sách nhà nước.

Tổng thu ngân sách nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/4/2019 ước tính đạt 421 nghìn tỷ đồng, bằng 29,8% dự toán năm, trong đó thu nội địa 337,3 nghìn tỷ đồng, bằng 28,7%; thu từ dầu thô 15,3 nghìn tỷ đồng, bằng 34,4%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 67,7 nghìn tỷ đồng, bằng 35,8%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/4/2019 ước tính đạt 376,4 nghìn tỷ đồng, bằng 23% dự toán năm, trong đó chi thường xuyên đạt 274,8 nghìn tỷ đồng, bằng 27,5%; chi đầu tư phát triển 65,3 nghìn tỷ đồng, bằng 15,2%; chi trả nợ lãi 35,1 nghìn tỷ đồng, bằng 28,1%.

10. Tình hình đăng ký doanh nghiệp.

Số doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng Tư đạt cao nhất trong 4 tháng đầu năm nay. Trong tháng 4/2019, cả nước có 14.854 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 167 nghìn tỷ đồng, tăng 19% về số doanh nghiệp và tăng 30,3% về số vốn đăng ký so với tháng trước; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 11,2 tỷ đồng, tăng 27,3%.

Tính chung 4 tháng đầu năm nay, cả nước có 43.305 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 542,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% về số doanh nghiệp và tăng 31,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 12,5 tỷ đồng, tăng 25%. Nếu tính cả 872 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của các doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung thêm vào nền kinh tế trong 4 tháng năm 2019 là 1.414,4 nghìn tỷ đồng.

Số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn trong 4 tháng đầu năm nay là 16.984 doanh nghiệp, tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong 4 tháng đầu năm nay còn có 17.265 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể. Số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể trong 4 tháng đầu năm 2019 là 5.305 doanh nghiệp, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 4.793 doanh nghiệp có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng (chiếm 90,3% tổng số doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể), tăng 11,6%.

11. Vận tải hành khách và hàng hóa.

Vận tải hành khách tháng Tư ước tính đạt 419,1 triệu lượt khách, tăng 1,1% so với tháng trước và 19,3 tỷ lượt khách.km, tăng 1,9%. Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, vận tải hành khách đạt 1.656,1 triệu lượt khách, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước và 75,1 tỷ lượt khách.km, tăng 9,6%, trong đó vận tải trong nước đạt 1.650,2 triệu lượt khách, tăng 10,9% và 58,7 tỷ lượt khách.km, tăng 9,8%; vận tải ngoài nước đạt gần 6 triệu lượt khách, tăng 10,2% và 16,3 tỷ lượt khách.km, tăng 8,9%.

Vận tải hàng hóa tháng Tư ước tính đạt 135,5 triệu tấn, tăng 0,9% so với tháng trước và 25,9 tỷ tấn.km, tăng 1,0%. Tính chung 4 tháng, vận tải hàng hóa đạt 547,6 triệu tấn, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước và 104,1 tỷ tấn.km, tăng 6,6%, trong đó vận tải trong nước đạt 536,7 triệu tấn, tăng 8,8% và 58,8 tỷ tấn.km, tăng 9,7%; vận tải ngoài nước đạt 10,9 triệu tấn, tăng 1,7% và 45,3 tỷ tấn.km, tăng 2,8%.

12. Khách nước ngoài đến Việt Nam.

Việt Nam tiếp tục trở thành điểm thu hút khách du lịch quốc tế trong 4 tháng đầu năm 2019, lượng khách liên tục đạt trên mức 1,4 triệu lượt mỗi tháng kể từ đầu năm. Khách quốc tế đến nước ta trong tháng Tư ước tính đạt

1.468,8 nghìn lượt người, tăng 4,2% so với tháng trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không tăng 5,9%; bằng đường bộ giảm 10,3%; bằng đường biển tăng mạnh 120,5%.

Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 5.968,9 nghìn lượt người, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 4.674 nghìn lượt người, tăng 5,4%; bằng đường bộ đạt 1.175,4 nghìn lượt người, tăng 21,1%; bằng đường biển đạt 119,5 nghìn lượt người, giảm 15,9%.

TỔNG KẾT NHỮNG TIÊU ĐIỂM ĐÁNG CHÚ Ý VỀ KINH TẾ VĨ MÔ 4 THÁNG ĐẦU NĂM 2019.

Một phần ba chặng đường của năm 2019 đã trôi qua, bức tranh kinh tế Việt Nam vẫn giữ được gam màu sáng với điểm nhấn là kinh tế vĩ mô ổn định, tổng cầu tăng mạnh, lạm phát được kiểm soát. Một số chỉ tiêu vẫn tiếp tục phát huy kết quả tốt từ cuối quý 1, như ngân sách tăng khá, trên 26% so với cùng kỳ. Cả nước thành lập nhiều doanh nghiệp mới; thu hút đầu tư tăng kỷ lục, có nhiều dự án quy mô lớn. Sản xuất nông nghiệp cơ bản được mùa, dịch tả lợn châu Phi đã kiểm soát, hạn chế thiệt hại mức thấp nhất. Xuất khẩu tăng khá và tiếp tục xuất siêu. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng của nước ta tăng, đứng thứ hai trong các nước ASEAN.

Điểm sáng kinh tế:

- Điểm nổi bật của bức tranh kinh tế 4 tháng đầu năm là nền kinh tế vĩ mô ổn định. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4 tăng 0,31% so với tháng trước, CPI bình quân 4 tháng đầu năm tăng 2,71% so với cùng kỳ. Đây là mức tăng bình quân 4 tháng đầu năm thấp nhất trong 3 năm gần đây.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khởi sắc với mức kỷ lục về cả số dự án và vốn đăng ký cấp mới, tính đến thời điểm 20/4/2019, số dự án cấp mới là 1,082 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 5.3 tỷ USD, cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây.
- Hoạt động thương mại dịch vụ tiếp tục xu hướng tăng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt tốc độ tăng cao nhất kể từ năm 2015, tăng 11,9%.
- Báo cáo của Nikkei vừa công bố cho biết chỉ số Nhà quản trị Mua hàng (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam đã tăng từ mức 51,9 điểm trong tháng 3 lên mức 52,5 điểm, cao nhất từ đầu năm 2019 đến nay và đứng thứ 2 trong các nước ASEAN.
- Trong tháng 4, cả nước có 14.800 doanh nghiệp thành lập mới tăng 19% về số doanh nghiệp so với tháng trước, cao nhất từ đầu năm đến nay.

Bên cạnh những mặt tích cực, chúng ta cũng cần theo dõi thêm một số các diễn biến như:

Giá dầu thế giới tăng mạnh sẽ làm gia tăng sức ép lạm phát. Ngoài ra, giá điện tăng cao, giá dịch vụ y tế, giáo dục, lương cơ sở vẫn đang trong lộ trình điều chỉnh, chỉ chờ thời điểm quyết định... Động thái này chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới diễn biến chỉ số CPI tháng 5 và tác động tới mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của Việt Nam trong năm nay.

Không chỉ là lạm phát, các áp lực, thách thức với nền kinh tế còn đến từ dấu hiệu sản xuất, xuất nhập khẩu. Qua 4 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) của toàn ngành chỉ tăng 9,2% so với cùng kỳ 2018. Con số này tuy vẫn cao hơn mức tăng 7,4% và 6,6% cùng kỳ năm 2016 và năm 2017, song lại thấp hơn mức tăng 10,7% cùng kỳ năm 2018.

Trong khi đó, xuất khẩu của tháng 4/2019 đã giảm tới 12,6% so với tháng 3/2019; tính chung 4 tháng, mức tăng chỉ là 5,8%. Nhập siêu cũng bắt đầu quay trở lại, khiến cán cân thương mại của cả nước trong 4 tháng chỉ còn 711 triệu USD, trong khi cùng kỳ năm ngoái, con số này là 3,7 tỷ USD.

Cụ thể với những điểm nhấn đáng chú ý trong 4 tháng đầu năm 2019:

Tăng trưởng GDP: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý I/2019 ước tính tăng 6,79% so với cùng kỳ năm trước, tuy thấp hơn mức tăng trưởng của quý I/2018 nhưng cao hơn tăng trưởng quý I các năm 2011-2017.

CPI, lạm phát: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2019 tăng 0,31% so với tháng trước, CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2019 tăng 2,71% so với cùng kỳ năm 2018, đây là mức tăng bình quân 4 tháng đầu năm thấp nhất trong 3 năm gần đây. Lạm phát cơ bản tháng 4/2019 tăng 0,09% so với tháng trước và tăng 1,88% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 4 tháng đầu năm nay tăng 1,84% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP): Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 4/2019 ước tính tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) toàn phần lĩnh vực sản xuất Việt Nam: Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam đã tăng từ mức 51,9 điểm trong tháng 3 lên mức 52,5 điểm, cao nhất từ đầu năm 2019 đến nay và đứng thứ 2 trong các nước ASEAN.

Cán cân thương mại: Cán cân thương mại hàng hóa thực hiện tháng Ba xuất siêu 1,6 tỷ USD; quý I xuất siêu 1,4 tỷ USD; tháng Tư ước tính nhập siêu 700 triệu USD. Tính chung 4 tháng năm 2019 tiếp tục xuất siêu 711 triệu USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 3,7 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,46 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 10,17 tỷ USD.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI): Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khởi sắc với mức kỷ lục về cả số dự án và vốn đăng ký cấp mới, tính đến thời điểm 20/4/2019, số dự án cấp mới là 1,082 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 5.3 tỷ USD, cao nhất trong vòng 4 năm trở lại đây. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 4 tháng ước tính đạt 5,7 tỷ USD, tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Đăng ký doanh nghiệp: Số doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký của các doanh nghiệp thành lập mới trong tháng Tư đạt cao nhất trong 4 tháng đầu năm nay. Trong tháng 4/2019, cả nước có 14.854 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký là 167 nghìn tỷ đồng, tăng 19% về số doanh nghiệp và tăng 30,3% về số vốn đăng ký so với tháng trước; vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 11,2 tỷ đồng, tăng 27,3%. Tính chung 4 tháng đầu năm nay, cả nước có 43.305 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký là 542,4 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% về số doanh nghiệp và tăng 31,7% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2018.

Tổng mức bán lẻ & du lịch: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 4/2019 ước tính đạt 400 nghìn tỷ đồng, tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 12% so với cùng kỳ năm 2018. Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.583,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,9% so với cùng kỳ năm trước.

Khách quốc tế: Việt Nam tiếp tục trở thành điểm thu hút khách du lịch quốc tế trong 4 tháng đầu năm 2019, lượng khách liên tục đạt trên mức 1,4 triệu lượt mỗi tháng kể từ đầu năm. Tính chung 4 tháng đầu năm 2019, khách quốc tế đến Việt Nam đạt 5.968,9 nghìn lượt người, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước.

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs.research@vn-cs.com

Người thực hiện: **Lưu Chí Kháng**
Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglec@vn-cs.com

Người thực hiện: **Đỗ Thị Hường**
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS:

Đỗ Bảo Ngọc
Phó Tổng Giám Đốc & Giám Đốc Trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh
Chuyên viên Phân tích Cao cấp
Email: minhnd@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên
Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương
Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng
P.Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và
Thị trường Chứng khoán
Email: khanglec@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường
Trợ lý Phân tích
Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến -20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền năm 2018 thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS.

TRỤ SỞ VNCS
Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099
Webiste: www.vn-cs.com